

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 509 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 03 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

**Trích ngân sách tỉnh năm 2017 phân bổ cho các địa phương thực hiện Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020”**

BAN DÂN TỘC TỈNH THÁI NGUYÊN	
CV	Số: 376
ĐẾN	Ngày: 8.1.3.2017
	Chuyển: P.UT

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 440/TTr-STC ngày 20/02/2017 và Biên bản họp liên ngành ngày 14/02/2016 giữa Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên, UBND các huyện: Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, Định Hóa,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Trích ngân sách tỉnh năm 2017 từ nguồn kinh phí trợ giá, trợ cước đã ghi kế hoạch năm 2017 phân bổ cho các huyện: Võ Nhai, Đồng Hỷ, Định Hóa, Phú Lương để hỗ trợ giống, phân bón trồng ngô lai, hỗ trợ chăn nuôi trâu bò, hỗ trợ mô hình cây ăn quả tại các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống theo Quyết định số 2037/QĐ-UBND của UBND tỉnh, số tiền: **4.247 triệu đồng** (Bốn tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

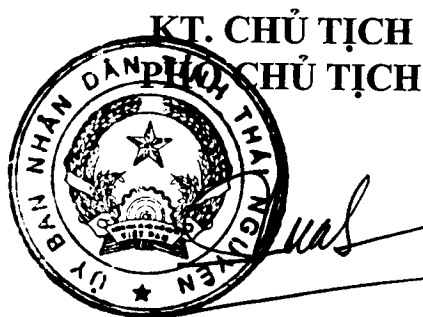
**Điều 2.** Sở Tài chính phân bổ kinh phí cho các địa phương; yêu cầu các địa phương có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí trên đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch UBND các huyện: Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh: Đ/c Vịnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN.

(Dunglq/QĐ.13.02/20b)



**Đoàn Văn Tuấn**

**KINH PHÍ HỖ TRỢ TRONG CÂY NGÔ LAI  
TẠI CÁC XÓM, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (CƠ CHẾ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC MÔNG SINH SỐNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số: 509 /QĐ-UBND ngày 06/03/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa điểm	Số hộ	Diện tích (ha)	Số lượng giống (kg)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện						
						Nguồn kinh phí được hỗ trợ			Các nguồn khác			
						Tổng	Hỗ trợ nông nghiệp	Hỗ trợ chương trình 135	Tổng	Trong đó		
										Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nhân dân đóng góp
1	2	3	4	5	6=5x4	7=8+9	8	9	10=6-7	11	12	13
<b>Tổng cộng (I+II):</b>		<b>1.348</b>	<b>680,4</b>	<b>13607</b>	<b>5.102,7</b>	<b>543,3</b>	<b>0,0</b>	<b>543,3</b>	<b>4.559,4</b>	<b>3.647,5</b>	<b>455,9</b>	<b>455,9</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>	<b>658,0</b>	<b>443,1</b>	<b>8861</b>	<b>3.322,9</b>	<b>306,0</b>	<b>0,0</b>	<b>306,0</b>	<b>3.016,9</b>	<b>2.413,5</b>	<b>301,7</b>	<b>301,7</b>
<b>1</b>	<b>Xã Văn Lãng</b>	<b>402</b>	<b>272,3</b>	<b>5446</b>	<b>2.042,3</b>	<b>139</b>	<b>0</b>	<b>138,95</b>	<b>1.903</b>	<b>1.522,7</b>	<b>190,3</b>	<b>190,3</b>
-	Xóm Văn Lãng	73	43,272	865	324,5	21,1	0,00	21,11	303,4	242,7	30,3	30,3
-	Xóm Liên Phương	144	122,9	2458	921,8	32,2	0,00	32,17	889,6	711,7	89,0	89,0
-	Xóm Khe Cạn	33	13,104	262	98,3	14,0	0,00	14,04	84,2	67,4	8,4	8,4
-	Xóm Bàn Tền	113	69,48	1390	521,1	62,7	0,00	62,66	458,4	366,8	45,8	45,8
-	Xóm Mỏ Nước	39	23,544	471	176,6	9,0	0,00	8,97	167,6	134,1	16,8	16,8
<b>2</b>	<b>Xã Tân Long</b>	<b>208</b>	<b>121,0</b>	<b>2420</b>	<b>907,5</b>	<b>117,0</b>	<b>0,0</b>	<b>117,02</b>	<b>790,5</b>	<b>632,4</b>	<b>79,0</b>	<b>79,0</b>
-	Xóm Mỏ Ba	136	65,0	1300	487,5	72,2	0,00	72,22	415,3	332,2	41,5	41,5
-	Xóm Lân Quan	72	56,0	1120	420,0	44,8	0,00	44,80	375,2	300,2	37,5	37,5
<b>3</b>	<b>Xã Quang Sơn</b>	<b>48</b>	<b>49,8</b>	<b>995,0</b>	<b>373,1</b>	<b>50,0</b>	<b>0,0</b>	<b>50,0</b>	<b>323,1</b>	<b>258,5</b>	<b>32,3</b>	<b>32,3</b>
-	Xóm Trung Sơn	31	27,5	550,0	206,3	0,0	0,00	0,0	206,3	165,0	20,6	20,6
-	Xóm Lân Đăm	17	22,3	445,0	166,9	50,0	0,00	50,0	116,9	93,5	11,7	11,7

STT	Địa điểm	Số hộ	Diện tích (ha)	Số lượng giống (kg)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện						
						Nguồn kinh phí được hỗ trợ			Các nguồn khác			
						Tổng	Hỗ trợ nông nghiệp	Hỗ trợ chương trình 135	Tổng	Trong đó		
										Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nhân dân đóng góp
1	2	3	4	5	6=5x4	7=8+9	8	9	10=6-7	11	12	13
<b>II</b>	<b>Huyện Võ Nhai</b>	<b>690</b>	<b>237,3</b>	<b>4.746</b>	<b>1.779,8</b>	<b>237,3</b>	<b>0,0</b>	<b>237,3</b>	<b>1.542,5</b>	<b>1.234,0</b>	<b>154,2</b>	<b>154,2</b>
<b>1</b>	<b>Xã Sáng Mộc</b>	<b>100</b>	<b>27</b>	<b>540</b>	<b>202,5</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>27</b>	<b>175,5</b>	<b>140,4</b>	<b>17,55</b>	<b>17,55</b>
-	Xóm Khuổi Mèo	100	27	540	202,5	27,0	0,00	27	175,5	140,4	17,6	17,6
<b>2</b>	<b>Xã Tràng Xá</b>	<b>120</b>	<b>46,25</b>	<b>925</b>	<b>346,875</b>	<b>46,25</b>	<b>0</b>	<b>46,25</b>	<b>300,6</b>	<b>240,5</b>	<b>30,1</b>	<b>30,1</b>
-	Xóm Chòi Hồng	120	46,25	925	346,9	46,3	0,00	46,25	300,6	240,5	30,1	30,1
<b>3</b>	<b>Xã Cúc Đường</b>	<b>112</b>	<b>22,8</b>	<b>456</b>	<b>171</b>	<b>22,8</b>	<b>0</b>	<b>22,8</b>	<b>148,2</b>	<b>118,56</b>	<b>14,82</b>	<b>14,82</b>
-	Xóm Mỏ Chi	112	22,8	456	171,0	22,8	0,00	22,80	148,2	118,56	14,82	14,82
<b>4</b>	<b>Xã Thượng Nung</b>	<b>173</b>	<b>89,25</b>	<b>1785</b>	<b>669,375</b>	<b>89,3</b>	<b>0,0</b>	<b>89,25</b>	<b>580,1</b>	<b>464,10</b>	<b>58,01</b>	<b>58,01</b>
-	Xóm Lũng Luông	109	58,65	1173	439,9	58,65	0,00	58,65	381,23	304,98	38,12	38,12
-	Xóm Lũng Hoài	43	20,65	413	154,9	20,65	0,00	20,65	134,2	107,38	13,42	13,42
-	Xóm Lũng Cà	21	9,95	199	74,6	9,95	0,00	9,95	64,7	51,74	6,47	6,47
<b>5</b>	<b>Xã Phương Giao</b>	<b>70</b>	<b>20</b>	<b>400</b>	<b>150</b>	<b>20,0</b>	<b>0,0</b>	<b>20</b>	<b>130,0</b>	<b>104,0</b>	<b>13,0</b>	<b>13,0</b>
-	Xóm Đồng Dong (Bản Lân Thùng)	70	20	400	150,0	20,0	0,00	20	130,00	104,00	13,00	13,00
<b>6</b>	<b>Xã Dân Tiến</b>	<b>115</b>	<b>32</b>	<b>640</b>	<b>240,0</b>	<b>32,0</b>	<b>0,0</b>	<b>32</b>	<b>208,0</b>	<b>166,4</b>	<b>20,8</b>	<b>20,8</b>
-	Xóm Lân Vai	60	12	240	90,0	12,00	0,00	12,00	78,00	62,40	7,80	7,80
-	Xóm Tân Tiến (Bản Làng Ươm)	55	20	400	150,0	20,00	0,00	20,00	130,00	104,00	13,00	13,00

**KINH PHÍ HỖ TRỢ CHĂM SÓC ÔI TRÂU, BÒ  
TẠI CÁC XÓM, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CỘNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC MÔNG SINH SỐNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số: 509 /QĐ-UBND ngày 06/06/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa điểm	Số lượng giống (con)	Diện tích trồng cỏ (sào)	Tổng kinh phí	Trong đó					
					Kinh phí vay vốn ngân hàng CSXH	Ngân sách tỉnh hỗ trợ				
						Tổng	Kinh phí hỗ trợ trồng cỏ	Lãi vay ngân hàng		
								Tổng	Trong đó	
		Lãi suất vốn vay đã giải ngân năm 2015 - 2016	Lãi suất vốn vay dự kiến cho vay năm 2017							
1	2	3	4	5=6+7	6=3*30	7=8+9	8=4*0.72	9	10	11=6*8.4%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>38</b>	<b>78</b>	<b>1.664,22</b>	<b>1.140</b>	<b>524,22</b>	<b>57,58</b>	<b>466,76</b>	<b>371</b>	<b>95,76</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>34,16</b>	<b>0</b>	<b>34,16</b>	<b>0</b>	<b>34,16</b>	<b>34,16</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Huyện Võ Nhai</b>	<b>33</b>	<b>68</b>	<b>1.440,22</b>	<b>990</b>	<b>450,22</b>	<b>49</b>	<b>401,26</b>	<b>318,1</b>	<b>83,2</b>
<b>1</b>	<b>Xã Cúc Đường</b>	<b>8</b>	<b>16</b>	<b>291,84</b>	<b>240</b>	<b>31,68</b>	<b>11,52</b>	<b>20,16</b>		<b>20,16</b>
-	Xóm Mỏ chì	8	16	291,84	240	51,84	11,52	20,16		20,16
<b>2</b>	<b>Xã Dân Tiến</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>150,96</b>	<b>120</b>	<b>15,84</b>	<b>5,76</b>	<b>10,08</b>		<b>10,08</b>
-	Xóm Lân Vai	4	8	150,96	120	15,84	5,76	10,08		10,08
<b>3</b>	<b>Xã La Hiên</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>175,68</b>	<b>150</b>	<b>19,80</b>	<b>7,2</b>	<b>12,6</b>		<b>12,6</b>
-	Xóm Khuôn Ngục	5	10	175,68	150	19,80	7,2	12,6		12,6
<b>4</b>	<b>Xã Phương Giao</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>117,24</b>	<b>60</b>	<b>9,36</b>	<b>4,32</b>	<b>5,04</b>		<b>5,04</b>
-	Xóm Đồng Dong	2	6	117,24	60	9,36	4,32	5,04		5,04
<b>5</b>	<b>Xã Thản Sa</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>49,08</b>	<b>30</b>	<b>3,96</b>	<b>1,44</b>	<b>2,52</b>		<b>2,52</b>
-	Xóm Kim Sơn	1	2	49,08	30	3,96	1,44	2,52		2,52

STT	Địa điểm	Số lượng giống (con)	Diện tích trồng cỏ (sào)	Tổng kinh phí	Trong đó					
					Kinh phí vay vốn ngân hàng CSXH	Ngân sách tỉnh hỗ trợ				
						Tổng	Kinh phí hỗ trợ trồng cỏ	Lãi vay ngân hàng		
								Tổng	Trong đó	
			Lãi suất vốn vay đã giải ngân năm 2015 - 2016	Lãi suất vốn vay dự kiến cho vay năm 2017						
1	2	3	4	5=6+7	6=3*30	7=8+9	8=4*0.72	9	10	11=6*8.4%
6	<b>Xã Thượng Nung</b>	13	26	527,41	390	51,48	18,72	32,76		32,76
-	Xóm Lũng Luông	8	16	314,772	240	31,68	11,52	20,16		20,16
-	Xóm Lũng Hoài	4	8	145,92	120	15,84	5,76	10,08		10,08
-	Xóm Lũng Cà	1	2	66,72	30	3,96	1,44	2,52		2,52
III	<b>Huyện Định Hóa</b>	0	0	12,54	0	12,54	1,42	11,12	11,12	0
IV	<b>Huyện Phú Lương</b>	5	10	177,30	150	27,30	7,20	20,10	7,5	12,6
1	<b>Xã Phú Đô</b>	4	8	134,47	120	15,84	5,76	10,08		10,08
-	Xóm Phú Thọ	4	8	134,47	120	15,84	5,76	10,08		10,08
2	<b>Xã Động Đạt</b>	1	2	31,44	30	3,96	1,44	2,52		2,52
-	Xóm Đồng Tâm	1	2	31,44	30	3,96	1,44	2,52		2,52

**Ghi chú:**

- Vay vốn Ngân hàng CSXH 30 triệu đồng/con; Dự kiến lãi suất ngân hàng 8,4%/năm; Hỗ trợ trồng cỏ 1 lần 2 sào/con, kinh phí 0,72 triệu đồng/sào.
- Năm 2017: Huyện Đồng Hỷ, Định Hóa không có hộ nào đăng ký nhu cầu hỗ trợ.
- Huyện Định Hóa: Bổ sung 1,42 triệu đồng kinh phí hỗ trợ trồng cỏ năm 2016.

**KINH PHÍ HỖ TRỢ MÔ HÌNH CÂY XÂN QUẢ TẠI CÁC XÓM, BẢN ĐẶC BIỆT  
KHÓ KHĂN CÓ NHIỀU ĐỒNG BÀO DÂN TỘC MÔNG SINH SỐNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số: 509 /QĐ-UBND ngày 03/03/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



STT	Địa chỉ	Số lượng (ha)	Kinh phí (triệu đồng)	Mô hình cây trồng
<b>Tổng cộng:</b>		3	75	
	Huyện Đồng Hỷ	3	75	
	Xã Tân Long	3	75	
-	Xóm Mỏ Ba	3	75	Trồng bưởi

*[Handwritten signature]*